

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 67/2025/DS-ST

Ngày: 20 - 6 - 2025

*"V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản"*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Nguyễn Trung Du**.

2. Bà: **Trần Thị Thu Hà**.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 19, 20 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2025/TLST – DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị M** – sinh năm: 1969 (có mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: 1. Anh **Trần Phúc T** – sinh năm: 1991 (có mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chị **Võ Tuyết N** – sinh năm: 1994 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 22/10/2024, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:

Bà có cho anh Trần Phúc T và chị Võ Tuyết N vay tiền nhiều lần như sau:

Ngày 09/5/2023 bà cho anh T và chị N vay 20.000.000đ.

Ngày 31/5/2023 bà cho anh T và chị N vay 20.000.000đ.

Ngày 10/8/2023 bà cho anh T và chị N vay 20.000.000đ.

Ngày 18/8/2023 bà cho anh T và chị N vay 10.000.000đ.

Ngày 11/10/2023 bà cho anh T và chị N vay 20.000.000đ.

Ngày 13/7/2024 bà cho anh T và chị N vay 40.000.000đ.

Tổng cộng bà cho anh T và chị N vay số tiền là 130.000.000đ, tất cả các lần bà cho anh T và chị N vay tiền đều có làm biên nhận, do chị N ký tên, không có thoả thuận lãi suất, hai bên thoả thuận thời gian trả là 10 ngày. Anh T và chị N vay tiền của bà để làm vốn làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Sau đó bà có nhiều lần yêu cầu anh T và chị N trả tiền vay cho bà nhưng anh T và chị N chỉ hứa mà không trả.

Nay bà yêu cầu anh Trần Phúc T và chị Võ Tuyết N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay vốn là 130.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo lãi suất 1,6%/tháng đối với số tiền vốn 70.000.000đ từ ngày 18/8/2023 đến ngày 18/6/2025 là 22 tháng x 1,6%/tháng thành tiền 24.640.000đ. Đối với số tiền vốn 20.000.000đ từ ngày 11/10/2023 đến ngày 11/06/2025 là 20 tháng x 1,6%/tháng thành tiền là 6.420.000đ. Đối với số tiền vốn 40.000.000đ từ ngày 13/7/2024 đến ngày 13/6/2025 là 11 tháng x 1,6%/tháng thành tiền là 7.040.000đ. Tổng cộng tiền lãi là 38.100.000đ, tổng cộng vốn và lãi là 168.100.000đ, bà đồng ý trừ đi số tiền mà chị N chuyển khoảng cho bà là 20.700.000đ. Số tiền còn lại là 147.400.000đ bà yêu cầu chị N và anh T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà.

* Tại bản khai ý kiến ngày 03 tháng 3 năm 2025 và tại phiên toà hôm nay bị đơn chị Võ Tuyết N trình bày: chị có vay tiền của bà Lê Thị M số tiền là 130.000.000đ, các lần vay có viết biên nhận do chị ký tên, khoản nợ trên là do nợ cá nhân chị, không phải nợ chung giữa chị với anh T, khi nhận tiền xong chị có chuyển trả lãi cho bà M số tiền 20.700.000đ. Nay bà M yêu cầu chị trả cho bà M số tiền vốn là 130.000.000đ và tiền lãi là 38.100.000đ, trừ đi số tiền lãi là 20.700.000đ mà chị đã chuyển khoảng cho bà M nhận, thì chị đồng ý nhưng chị xin trả dần.

* Tại bản khai ý kiến ngày 03 tháng 03 năm 2025 và tại phiên toà hôm nay bị đơn anh Trần Phúc T trình bày: vợ anh là chị Võ Tuyết N có vay tiền của bà M hay không thì anh không biết, đến khi Toà án triệu tập thì anh mới biết, việc bà M cho vợ anh vay tiền không có hỏi ý kiến của anh, vợ anh vay tiền của bà M không đem về sử dụng trong gia đình, hiện tại anh là giáo viên với mức lương của anh đủ lo cho kinh tế gia đình nên việc chị N vay tiền của bà M là nợ riêng của chị N. Đối với giấy vay tiền ngày 13/7/2025 chữ ký trong giấy vay tiền không phải là chữ ký của anh. Nay bà M yêu cầu anh cùng có nghĩa vụ liên đới cùng chị N trả cho bà M số tiền vốn và lãi là 147.400.000đ thì anh không đồng ý vì đây là nợ riêng của chị N.

Tại phiên toà đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Nguyên đơn bà Lê Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa anh T và chị N. Anh T và chị N có nơi cư trú tại xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng

dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng vay tài sản giữa bà M và chị N được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Vào các ngày 09/5/2023, 31/5/2023, 10/8/2023, 18/8/2023, 11/10/2023, 13/7/2024 bà M cho chị N vay tổng cộng 06 lần với tổng số tiền 130.000.000đ, có viết biên nhận, hai bên có thỏa thuận thời gian trả là từ khi vay đến 10 ngày sau sẽ trả hết số tiền đã vay. Nhưng đến thời hạn trả tiền vay thì chị N không có trả tiền lãi cho bà, bà M có nhiều lần đến để đòi tiền nhưng chị N không trả. Anh T có đến nhà của bà M để thỏa thuận trả tiền nhưng bà M không đồng ý. Nay bà M yêu cầu anh T và chị N phải có nghĩa vụ trả lại cho bà M số tiền vay vốn là 130.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo lãi suất 1.6%/tháng với số tiền lãi là 38.100.000đ. Bà M đồng ý trừ đi số tiền 20.700.000đ mà chị N đã chuyển khoảng cho bà.

Xét yêu cầu của bà M là có căn cứ để chấp nhận bởi. Tại các biên nhận ngày 09/5/2023, 31/5/2023, 11/10/2023, 10/8/2023, 18/8/2023, 13/7/2024 thể hiện chị N có vay tiền của bà M, tổng cộng 06 lần vay với tổng số tiền là 130.000.000đ, tại phiên toà chị N cũng đồng ý trả cho bà M số tiền vay vốn là 130.000.000đ, và tiền lãi là 38.100.000đ nhưng chị N cho rằng số nợ trên là nợ cá nhân chị N không phải nợ chung giữa chị với anh T, anh T không đồng ý liên đới cùng chị N trả số nợ trên vì anh T cho rằng nợ cá nhân của chị N, tại phiên toà chị N cho rằng chị vay tiền của bà M về để phục vụ cho kinh tế gia đình, tại thời điểm chị N vay tiền của bà M thì chị N và anh T là vợ chồng nên căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình buộc anh Trần Phúc T có nghĩa vụ liên đới cùng chị Võ Tuyết N trả cho bà Lê Thị M số tiền vốn và lãi là 168.100.000đ (Một trăm sáu mươi tám triệu một trăm nghìn đồng), nhưng trừ đi số tiền lãi mà bà M đã nhận 20.700.000đ (Hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng), số tiền còn lại buộc anh T và chị N phải có nghĩa vụ trả cho bà M là 147.400.000đ (Một trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh T và chị N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.370.000đ (Bảy triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M.

Buộc anh Trần Phúc T và chị Võ Tuyết N phải có nghĩa vụ liên đới trả lại

cho bà Lê Thị M số tiền vay vốn là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi là 17.400.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 147.400.000đ (Một trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Trần Phúc T và chị Võ Tuyết N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.370.000đ (Bảy triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

Bà Lê Thị M không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị M số tiền tạm ứng án phí là 3.730.000đ (Ba triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰0009505 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Lanh